

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng,
điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày
06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi
hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn
thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất, Danh mục
dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2022
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12
năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang bổ sung Danh mục dự án cần
thu hồi đất, Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2021
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng
12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Danh mục dự án, công
trình phải điều chỉnh, hủy bỏ trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
79/TTr-STNMT ngày 27 tháng 01 năm 2022.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(Chi tiết tại Kế hoạch đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 của Quyết định;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (05 bản);
- Trung tâm XTĐTTM&DL Kiên Giang;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, hdtan (01 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



auth

Lâm Minh Thành



KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

*(Kèm theo Quyết định số 585 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022
của UBND tỉnh Kiên Giang)*

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kế hoạch định giá đất cụ thể làm căn cứ thực hiện xác định giá đất cụ thể.
- Đáp ứng tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Yêu cầu

- Việc xác định giá đất cụ thể phải được thực hiện khách quan, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013.
- Việc lựa chọn đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai.
- Việc tổ chức thực hiện phải đúng trình tự thực hiện của Luật Đất đai quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự kiến khối lượng thực hiện

- Dự kiến các dự án, công trình thực hiện định giá đất cụ thể năm 2022 là 266 công trình, dự án với tổng diện tích dự kiến là 24.029.086,37 m² (trường hợp diện tích từng dự án, công trình có thay đổi thì xác định theo báo cáo chi tiết, cụ thể của cơ quan đề nghị xác định giá đất).

(Chi tiết kèm theo Phụ lục)

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, theo nhu cầu và tình hình thực tế phát sinh, những dự án do tính cấp bách, cần thiết mà phải định giá đất cụ thể nằm ngoài các danh mục, công trình nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố được tổ chức xác định giá đất cụ thể của từng trường hợp theo quy định mà không phải trình phê duyệt bổ sung.

2. Dự kiến trường hợp phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất và dự kiến số tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất

- Căn cứ về quy mô, độ phức tạp của việc xác định giá đất cụ thể, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố được hợp đồng thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể.



- Dự kiến các tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất thường xuyên gồm:

- + Công ty Cổ phần Đầu tư và Định giá AIC - Việt Nam;
- + Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng;
- + Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá Tây Nam Bộ;
- + Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá Miền Nam;
- + Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Miền Tây;
- + Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE;
- + Công ty Cổ phần Định giá tư vấn và Đầu tư xây dựng VinaSun;
- + Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn đầu tư Việt Nam;
- + Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Đông Dương;
- + Công ty TNHH Thẩm định giá VALID;
- + Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Nam Sài Gòn;
- + Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Tiên Phong;
- + Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam;
- + Công ty Cổ phần Thẩm định giá IVC Việt Nam.

Ngoài các tổ chức nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố được lựa chọn các tổ chức có chức năng xác định giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá theo quy định.

3. Dự kiến thời gian thực hiện: trong năm 2022.

4. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất: Từ nguồn kinh phí được trích lại đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do cấp thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể thì các đơn vị được thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất.

b) Kinh phí xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: Kinh phí ngân sách tỉnh phân bổ của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương. Trường hợp thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể thì thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể theo dự toán kinh phí trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật tại Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT.



c) Kinh phí thực hiện các dự án phát sinh ngoài Danh mục kèm theo Kế hoạch này, các đơn vị xác định giá đất được cân đối sử dụng kinh phí tại điểm a và điểm b khoản 4 Mục II Kế hoạch này hoặc đề nghị UBND tỉnh bổ sung kinh phí để thực hiện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố, các sở, ngành có liên quan

- Có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch định giá đất cụ thể có chi tiết cho từng dự án cụ thể theo danh mục công trình kèm theo Kế hoạch này làm căn cứ thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện các đơn vị được phép thuê và quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu; được cân đối sử dụng kinh phí ngân sách tỉnh phân bổ hàng năm; đề nghị Sở Tài chính cân đối phân bổ kinh phí bổ sung thực hiện xác định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế trên cơ sở dự toán kinh phí được lập.

3. UBND các huyện, thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc căn cứ danh mục, công trình trong Kế hoạch này, báo cáo cụ thể về vị trí, khu vực, diện tích, địa điểm,...theo từng mục đích sử dụng đất cần định giá; thời điểm định giá đất,... của từng danh mục, công trình nêu trên để làm căn cứ lập dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất.

4. UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp UBND các huyện, thành phố không kịp thời tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; đấu giá quyền sử dụng đất của các dự án công trình nêu trên trong năm 2022.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp không kịp thời giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,...theo đúng thời gian quy định trong bộ thủ tục hành chính đã được công bố.

Phục lục
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG
(Kèm theo Quyết định số 585 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
I	THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	2.382.600,0		
1	Dự án Khu nhà ở Biệt thự BT31	3.800,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích
2	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang- đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	164.500,0	Rạch Sỏi	Giá đất bồi thường
3	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thương mại Rạch Sỏi	1.300,0	Rạch Sỏi	Giá đất bồi thường
4	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất (đoạn Rạch Giá)	3.600,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
5	Mở rộng đường Đông Hồ (đoạn Lê Thị Hồng Gấm – Phạm Ngọc Thạch)	3.100,0	Vĩnh Thanh	Giá đất bồi thường
6	Mở rộng đường Võ Trường Toản (đoạn Lý Thường Kiệt – Nguyễn Bình Khiêm)	7.600,0	Vĩnh Thanh	Giá đất bồi thường
7	Mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm	8.900,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
8	Đường kênh Tư Non	3.400,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
9	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	7.100,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
10	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê Biển)	8.500,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
11	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đoạn từ Âu Cơ đến đường Lạc Hồng)	1.600,0	Vĩnh Lạc	Giá đất bồi thường
12	Cầu qua kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Giải phóng 9)	11.000,0	Vĩnh Thanh, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thông	Giá đất bồi thường
13	Cầu kênh Vành Đai (qua khu công nghiệp)	8.000,0	Vĩnh Hiệp	Giá đất bồi thường
14	Cầu Nhật Tảo - Ngô Văn Sở	6.000,0	An Hòa, An Bình	Giá đất bồi thường
15	Trạm 110KV KCN Thạnh Lộc và đường dẫn	1.300,0	Vĩnh Hiệp	Giá đất bồi thường
16	Đường dây 220KV Rạch Giá 2-Kiên Bình mạch 2	5.400,0	Vĩnh Quang, Vĩnh Thông, Vĩnh Hiệp	Giá đất bồi thường
17	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Ngọn	3.000,0	Phi Thông	Giá đất bồi thường
18	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Sóc Cung	2.000,0	Phi Thông	Giá đất bồi thường
19	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp Tà Keo Vàm	1.700,0	Phi Thông	Giá đất bồi thường
20	Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	35.000,0	Vĩnh Thanh	Giá đất bồi thường
21	Khu tái định cư chợ Nam An Hòa (thuộc Khu đô thị Phú Cường)	14.900,0	An Hòa	Giá đất bồi thường
22	Khu dân cư An Bình (hộ ông Vũ Văn Hiền)	300,0	An Bình	Giá đất bồi thường
23	Hạ tầng chính trang đô thị gồm các khu phố: Võ Trường Toản, Quang Trung, Lê Anh Xuân, Rạch Giồng-phường Vĩnh Quang	177.100,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường

NHÂN

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
24	Mở rộng đình Nguyễn Trung Trực	6.500,0	Vĩnh Thanh	Giá đất bồi thường
25	Trụ sở làm việc chung các Hội	4.000,0	An Hòa	Giá đất bồi thường
26	Trụ sở cục Hải quan tỉnh Kiên Giang và chi cục Hải Quan thành phố Rạch Giá	12.000,0	Vĩnh Hiệp	Giá đất bồi thường
27	Tòa án tỉnh Kiên Giang	10.000,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
28	Mở rộng Nghĩa Trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	53.100,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
29	Trang trại tổng hợp nuôi gà Nguyễn Minh Công	22.700,0	Phi Thông	Giá chuyển mục đích
30	Dự án nhà ở thu nhập thấp đường Nguyễn Cư Trinh (Công ty CP. Phát triển nhà Kiên Giang)	15.400,0	Vĩnh Quang	Giá chuyển mục đích
31	Khu dân cư Thái Bình	31.000,0	Vĩnh Quang	Giá chuyển mục đích
32	Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 2)	82.400,0	Vĩnh Quang	Giá chuyển mục đích
33	Khu dân cư tuyến đường số 1	261.000,0	Vĩnh Quang	Giá đất bồi thường
34	Khu dân cư Tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng nối dài (Đoạn từ lộ Liên Hương đến đường số 1)	103.900,0	Vĩnh Quang	Giá chuyển mục đích
35	Khu dân cư Nam An Hoà (Giai đoạn 2)	78.400,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích
36	Khu dân cư phường Vĩnh Quang	74.600,0	Vĩnh Quang	Giá chuyển mục đích
37	Khu dân cư Dương Minh Châu	93.800,0	Vĩnh Quang	Giá chuyển mục đích
38	Trung tâm tài chính (TM3 Phú Cường)	3.900,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích
39	Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ và nhà trẻ 03 nhóm (Công ty TNHH Đoàn Thịnh Phú)	5.700,0	Vĩnh Hiệp	Giá chuyển mục đích
40	Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ ô tô tại thành phố Rạch Giá (công ty TNHH Toyota Kiên Giang)	6.700,0	Vĩnh Hiệp	Giá chuyển mục đích
41	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Kiên Giang	44.000,0	Vĩnh Thông	Giá chuyển mục đích
42	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 1)	250.000,0	Vĩnh Thông	Giá chuyển mục đích
43	Mở rộng hồ chứa nước ngọt dự trữ thành phố Rạch Giá (giai đoạn 2)	228.000,0	Vĩnh Thông	Giá chuyển mục đích
44	Khu dân cư biệt thự vườn Trường Phát	99.000,0	Vĩnh Hiệp	Giá chuyển mục đích
45	Bãi đậu xe TP.Rạch Giá và Trung tâm đăng kiểm phương tiện xe cơ giới đường bộ	13.500,0	Vĩnh Hiệp	Giá chuyển mục đích
46	Khu bến xe, khu dân cư và chợ đầu mối rau củ quả tại phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá	294.400,0	Vĩnh Hiệp	Giá chuyển mục đích
47	TM5 thuộc Khu 1 -Phú Cường	2.200,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích
48	TM6 thuộc Khu 2 -Phú Cường	2.000,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
49	TM7 thuộc Khu 2 -Phú Cường	2.000,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích
50	TM8 thuộc Khu 2 -Phú Cường	6.200,0	An Hòa	Giá chuyển mục đích
51	Khu tái định cư Cầu Suối	3.500,0	Vĩnh Quang	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
52	Trụ sở làm việc phòng Quản lý đô thị thành phố (150 Nguyễn Hùng Sơn)	300,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
53	Tuyến dân cư đường Đê Biển (L1, L4 đến L12)	71.900,0	Vĩnh Quang	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
54	Khu đất UBND phường Vĩnh Quang quản lý (đường Quang Trung)	2.500,0	Vĩnh Quang	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
55	Công ty CP Classic Mode (Việt Nam)	4.800,0	An Hòa	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
56	Khu đất của Đài truyền hình Kiên Giang	100,0	Vĩnh Lạc	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
57	Khu dân cư làng Cầu Vòng	5.600,0	Vĩnh Quang	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
58	01 khu đất Công an tỉnh	900,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
59	Xí nghiệp Cơ khí 19 tháng 5 cũ	300,0	Vĩnh Lợi	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
60	Câu lạc bộ hưu trí (đường Nguyễn Trung Trực)	2.700,0	An Hòa	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
61	Chi cục kiểm Lâm	1.100,0	An Bình	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
62	Chi cục Bảo vệ thực vật	1.400,0	An Hòa	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
63	Chi cục thủy lợi	900,0	An Hòa	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
64	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản & thủy sản	200,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
65	Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản	100,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
66	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng thuộc sở NN và PTNN	400,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
67	Thanh tra sở NN và PTNN	300,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
68	Chi cục nuôi trồng thủy sản	100,0	Vĩnh Thanh Vân	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
II	THÀNH PHỐ HÀ TIÊN	894.500,0		
1	Mở rộng Tỉnh lộ 28 (đoạn Ao sen – cầu Đồn Tả)	1.300,0	Pháo Đài và Bình San	Giá bồi thường
2	Khu dân cư đường vành đai Nam Đông Hồ	200.000,0	Tô Châu	Giá bồi thường
3	Đường Chi Lăng	2.500,0	Bình San	Giá bồi thường
4	Đường Mạc Cửu	3.400,0	Bình San	Giá bồi thường

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
5	Nâng cấp mở rộng; ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật Đường Đồng Đa và khu Đồng Hồ	2.000,0	Đồng Hồ	Giá bồi thường
6	Đường Phương Thành	3.700,0	Bình San và Đồng Hồ	Giá bồi thường
7	Đường Bãi Nò (giai đoạn I)	7.000,0	Pháo Đài	Giá bồi thường
8	Trường THCS Bình San giai đoạn 2	5.000,0	Bình San	Giá bồi thường
9	Trung tâm y tế xã Tiên Hải	600,0	Tiên Hải	Giá bồi thường
10	Đường ra cửa khẩu Quốc tế Hà Tiên (TL-28)	131.400,0	Mỹ Đức và Pháo Đài	Giá bồi thường
11	Cải tạo nâng cấp và mở rộng Quốc lộ 80	80.000,0	Thuận Yên	Giá bồi thường
12	Đường vào Cụm Công nghiệp Hà Giang	13.800,0	Thuận Yên	Giá bồi thường
13	Đường dây 110KV Tịnh Biên-Hà Tiên	900,0	Thuận Yên	Giá bồi thường
14	Đường Tà Lu	1.300,0	Pháo Đài	Giá bồi thường
15	Trường tiểu học và THCS Cừ Đút	8.200,0	Đồng Hồ	Giá bồi thường
16	Trường Mầm non Bình San	5.000,0	Bình San	Giá bồi thường
17	Khu tái định cư trường Tiểu học Mỹ Đức	1.800,0	Mỹ Đức	Giá bồi thường
18	Công an thành phố Hà Tiên (xây mới)	3.600,0	Đồng Hồ	Giá bồi thường
19	Đường nhánh Tỉnh lộ 28	19.800,0	Pháo Đài và Bình San	Giá bồi thường
20	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Kiên Giang	2.100,0	Pháo Đài	Giá bồi thường
21	Đường số 14 phường Tô Châu	1.600,0	Tô Châu	Giá bồi thường
22	Khu neo đậu tránh trú bão Bà Lý (Xây lắp+ Bồi hoàn)	10.800,0	Pháo Đài	Giá bồi thường
23	Trường Tiểu học và THCS Tiên Hải	270,0	Tiên Hải	Giá bồi thường
24	Khu tái định cư khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức	78.000,0	Mỹ Đức	Giá bồi thường
25	Giao đất nhỏ lẻ	24.900,0	Pháo Đài	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
26	Đấu giá quỹ đất công để đầu tư khu dân cư dịch vụ - du lịch biển Thuận Yên-thành phố Hà Tiên	65.100,0	Thuận Yên	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
27	Đấu giá quyền sử dụng đất khu vực chợ đầu mối thủy hải sản Mương Đào	7.730,0	Đồng Hồ	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
28	Đấu giá khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Tiên Hải	13.300,0	Tiên Hải	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
29	Đấu giá khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Mũi Nai Pháo Đài	14.700,0	Pháo Đài	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
30	Đầu giá khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Nò	39.400,0	Pháo Đài	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
31	Đầu giá thuê đất E4; E5; D8 trong C&T	9.400,0	Pháo Đài	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
32	Đầu giá quyền sử dụng đất vườn ươm Ban quản lý công trình đô thị	2.600,0	Bình San	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
33	Dự án khu bảo thuế Xà Xía	118.900,0	Mỹ Đức	Giá thuê đất
34	Dự án Chợ trong trong Khu kinh tế cửa khẩu	14.400,0	Mỹ Đức	Giá thuê đất
III	THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	12.172.409,3		
1	Khu nghỉ dưỡng phức hợp Enclave Phú Quốc (khu 1 và khu 3) tại xã Bãi Thơm	937.876,6	Bãi Thơm	Giá bồi thường
2	Khu di lịch sinh thái Hải Lâm tại xã Cửa Dương	76.760,3	Cửa Dương	Giá bồi thường
3	Khu du lịch phức hợp Bãi Sao thuộc lô số 6, Khu du lịch sinh thái và sân Golf Bãi Sao	368.842,0	An Thới	Giá bồi thường
4	Khu phức hợp Vịnh Đầm (giai đoạn 2)	310.005,1	An Thới và Dương Tơ	Giá bồi thường
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng Sunset Sanato thuộc khu du lịch ven biển Bắc Bãi Trường	56.768,9	Dương Tơ	Giá bồi thường
6	Khu du lịch sinh thái Ngôi Sao - Lucky Star Resort thuộc khu du lịch Bãi Cửa Cạn	12.415,7	Cửa Dương và Cửa Cạn	Giá bồi thường
7	Khu Trung tâm hội nghị, khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng Bãi Vòng	4.270.109,3	Hàm Ninh	Giá bồi thường
8	Khu tái định cư khu vực Đồng Cây Sao - Khu I	496.738,4	Cửa Dương	Giá bồi thường
9	Khu phi thuế quan Phú Quốc	1.041.488,1	Hàm Ninh	Giá bồi thường
10	Khu dân cư cao cấp Phú Quốc Botanic Garden	239.641,0	Cửa Dương	Giá bồi thường
11	Khu dân cư tại xã Cửa Cạn	175.477,0	Cửa Cạn	Giá bồi thường
12	Khu dân cư Thung Lũng Tím	513.905,4	Dương Tơ	Giá bồi thường
13	Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm - Phú Quốc tại khu phố Bãi Nam, Bãi Chướng	451.090,5	An Thới	Giá bồi thường
14	Khu biệt thự cao cấp Phú Quốc Riverside Villas	23.040,0	Dương Đông	Giá đất chuyển mục đích
15	Khu dân cư Xuân Hoàng	37.520,0	Dương Đông	Giá giao đất
16	Khu đô thị cao cấp Đại Thành	208.880,0	An Thới	Giá giao đất
17	Dự án thuộc lô số 6 thuộc khu du lịch và sân golf Bãi Sao	221.280,0	An Thới	Giá thuê đất
18	Khu du lịch sinh thái - Lan Anh Resort	19.200,0	Dương Tơ	Giá thuê đất
19	Khu dân cư Phú Quốc Housing	196.880,0	Dương Tơ	Giá giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
20	Khu biệt thự cao cấp Sonasea Residence thuộc khu phức hợp Bãi Trường	248.000,0	Dương Tơ	Giá giao đất
21	Khu phức hợp Vịnh Đầm	70.560,0	Dương Tơ	Giá thuê đất
22	Dự án thung lũng tím	207.960,0	Dương Tơ	Giá giao đất
23	Khu dân cư và biệt thự biển cao cấp Viễn Liên	4.000,0	Hàm Ninh	Giá giao đất
24	Khu du lịch sinh thái Hải Lâm	46.080,0	Cửa Dương	Giá thuê đất
25	Khu biệt thự cao cấp Village Búng Gội	34.800,0	Cửa Dương	Giá đất chuyển mục đích
26	Khu du lịch sinh thái Eo Xoài	63.240,0	Cửa Dương	Giá thuê đất
27	Khu du lịch sinh thái Bãi Dài	72.840,0	Gành Dầu	Giá thuê đất
28	Khu du lịch sinh thái nhà vườn Rạch Vẹm (Công ty TNHH Ngọc Hải)	325.140,0	Gành Dầu	Giá thuê đất
29	Khu du lịch sinh thái nhà vườn Rạch Vẹm (Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch và Xây dựng T.T.C)	330.060,0	Gành Dầu	Giá thuê đất
30	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Rạch Nhum	97.260,0	Gành Dầu	Giá thuê đất
31	Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tràm	911.600,0	Bãi Thơm	Giá giao, thuê đất
32	Dự án Khu phức hợp nghỉ dưỡng sinh thái Bãi Khem	57.742,2	An Thới	Giá thuê đất
33	Dự án Khu du lịch sinh thái Đá Bàn Châu Long	20.660,5	Cửa Dương	Giá chuyển mục đích
34	Dự án khu nghỉ dưỡng Cosmos Resort	15.048,3	Dương Đông	Giá chuyển mục đích
35	Khu biệt thự cao cấp Bà Kèo	9.500,0	Dương Đông	Giá bồi thường
IV	HUYỆN CHÂU THÀNH	1.340.249,0		
1	Công trình Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Hòa Phú	995,6	Vĩnh Hòa Phú	Giá bồi thường
2	Công trình trụ sở ấp Tân Hưng	318,9	Giục Tượng	Giá bồi thường
3	Công trình trụ sở ấp Tân Lợi	125,6	Giục Tượng	Giá bồi thường
4	Công trình cầu kênh nước mặn (ngã tư Sáu Ngói)	1.328,2	Giục Tượng	Giá bồi thường
5	Công trình mở rộng khu hậu cứ Huyện ủy Châu Thành	474,9	Bình An	Giá bồi thường
6	Đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	1.018.900,0	Bình An, Vĩnh Hòa Phú, Vĩnh Hòa Hiệp	Giá bồi thường
7	Dự án đường dây 220Kv Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2 huyện Châu Thành	7.000,0	Mong Thọ B, Thạnh Lộc	Giá bồi thường
8	Dự án đường Minh Lương - Giục Tượng	95.200,0	Thị trấn Minh Lương, Giục Tượng	Giá bồi thường

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
9	Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv từ 171 Minh Phong - 171 An Biên (vị trí xã Bình An)	1.000,0	Bình An	Giá bồi thường
10	Trạm 110Kv KCN Thanh Lộc và đường dây 110Kv NR đầu nối trạm 110Kv Thanh Lộc	4.900,0	Thanh Lộc	Giá bồi thường
11	Dự án đầu tư xây dựng đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	126.000,0	Bình An, Minh Hòa	Giá bồi thường
12	Đường vào khu dân cư Minh Phú	2.100,0	Thị trấn Minh Lương	Giá bồi thường
13	Khu đất đấu giá: khu tái định cư Minh Lương	500,0	Minh Hòa	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
14	Khu đất đấu giá tại ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp	200,0	Vĩnh Hòa Hiệp	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
15	Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất ba lô túi xách xuất khẩu	50.003,5	Thanh Lộc	Giá thuê đất
16	Dự án sản xuất, lắp ráp, kinh doanh, thương mại và phân phối thiết bị điện nước	195,4	Thanh Lộc	Giá thuê đất
17	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp AAC	31.006,9	Thanh Lộc	Giá thuê đất
V	HUYỆN GÒ QUAO	44.451,5		
1	Hệ thống trụ điện 110KV Gò Quao và đường dây 110KV Vĩnh Thuận - Gò Quao	4.100,0	Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Phước B, Vĩnh Phước A, Định An	Giá bồi thường
2	Dự án "Cụm chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao" Công ty TNHH Nông nghiệp Ngọc Phước	23.000,0	Vĩnh Hòa Hưng Nam	Giá thuê đất
3	Dãy nhà ở dân cư cấp kênh KH6	3.330,3	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
4	Khu đất Kí ốt C8 dự án Trung tâm thương mại TT. Gò Quao	175,2	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
5	Khu đất gần nhà vệ sinh thuộc Chợ cũ xã Định An	156,4	Định An	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
6	Trụ sở làm việc công an xã Định An (Trụ sở cũ)	276,2	Định An	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
7	Khu hành chính cũ xã Định An	1.141,6	Định An	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
8	Các nền còn lại khu tái định cư dự án chợ và khu dân cư Định An (3 nền)	311,3	Định An	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
9	Các nền còn lại Cụm dân cư vượt lũ 2 Vĩnh Hòa Hưng Nam	527,0	Vĩnh Hòa Hưng Nam	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
10	Các nền sinh lợi khu dân cư vượt lũ cụm 2 Vĩnh Hòa Hưng Bắc	1.262,8	Vĩnh Hòa Hưng Bắc	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
11	Xây mới Trạm cấp nước tập trung ở ấp 5	1.900,0	Vĩnh Hòa Hưng Nam	Giá bồi thường
12	Xây mới Trạm cấp nước tập trung	1.200,0	Định An	Giá bồi thường
13	Khu đất công giáp quán Bún cá (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư)	117,6	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
14	Khu đất giáp quán Thế kỷ (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư)	375,0	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
15	Khu đất giáp quán Napoly (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư)	450,0	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
16	Khu đất dự (Dự án Bến xe khách và Khu dân cư)	251,4	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
17	Khu đất bãi rác cũ thị trấn Gò Quao	1.070,0	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
18	Khu đất gần Trụ sở khu phố Phước Trung 1, thị trấn Gò Quao	291,0	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
19	Khu đất giáp nhà ông Diệp khu phố Phước Hưng 1, thị trấn Gò Quao	210,0	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
20	Khu L8 nền 5 (Cụm dân cư vượt lũ 1 xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc)	120,0	Vĩnh Hòa Hưng Bắc	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
21	Khu L nền 25 (Cụm dân cư vượt lũ 2 xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc)	100,0	Vĩnh Hòa Hưng Bắc	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
22	Khu đất dịch vụ	426,9	Vĩnh Tuy	Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất
23	Khu kinh tế dịch vụ	3.658,8	Thị trấn Gò Quao	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
VI	HUYỆN GIỒNG RIỀNG	87.784,9		
1	Khu đất văn phòng công chứng Giồng Riềng	154,0	Thị trấn Giồng Riềng	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
2	Dự án Chính trang đô thị thị trấn Giồng Riềng (kênh Lò Heo)	10.162,3	Thị trấn Giồng Riềng	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
3	Dự án cầu tuyến tránh Giồng Riềng	3.636,4	Thị trấn Giồng Riềng	Giá bồi thường
4	Dự án mở rộng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	232,2	Thị trấn Giồng Riềng	Giá bồi thường
5	Mở rộng công an huyện Giồng Riềng	23.600,0	Ngọc Chúc	Giá bồi thường
6	Doanh trại đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Tây Sông Hậu	50.000,0	Long Thạnh	Giá bồi thường
VII	HUYỆN U MINH THƯỢNG	31.320,5		
1	Quyền sử dụng đất tại ấp Trung Đoàn	17.832,5	An Minh Bắc	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
2	Quyền sử dụng đất tại ấp Trung Đoàn	7.370,5	An Minh Bắc	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
3	Quyền sử dụng đất tại ấp Trung Đoàn	3.550,6	An Minh Bắc	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
4	Quyền sử dụng đất tại ấp Minh Kiên	2.566,9	Minh Thuận	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
VIII	HUYỆN HÒN ĐẤT	1.764.800,0		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	539.000,0	Thổ Sơn, Linh Huỳnh, Bình Sơn, Bình Giang	Giá bồi thường
2	Nâng cấp, mở rộng đường Vòng núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống)	82.700,0	Thổ Sơn	Giá bồi thường
3	Đào kênh thoát lũ KH6 Bình Sơn	11.300,0	Bình Sơn	Giá bồi thường
4	Đường 286 (quốc lộ 80-đê biển)	52.000,0	Bình Sơn	Giá bồi thường

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
5	Mở rộng tuyến đường Mỹ Thái, Mỹ Hiệp Sơn	14.000,0	Mỹ Thái, Mỹ Thuận, Mỹ Hiệp Sơn	Giá bồi thường
6	UBND huyện Hòn Đất (Bồi thường GPMP + San lấp mặt bằng)	5.800,0	Thị trấn Hòn Đất	Giá bồi thường
7	Trụ sở Công an thị trấn Sóc Sơn	900,0	Thị trấn Sóc Sơn	Giá bồi thường
8	Đường dây 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2	32.000,0	Mỹ Lâm, thị trấn Sóc Sơn, Sơn Bình, Sơn Kiên, thị trấn Hòn Đất, Bình Sơn, Bình Giang	Giá bồi thường
9	Cải tạo ĐD 220kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	6.800,0	Bình Giang	Giá bồi thường
10	Bến đò kênh T5 Bình Giang	200,0	Bình Giang	Giá bồi thường
11	Công viên chợ củ	200,0	Thị trấn Sóc Sơn	Giá bồi thường
12	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp Thuận An	500,0	Bình Sơn	Giá bồi thường
13	Tuyến dân cư kênh T5 trên nước	279.700,0	Bình Giang	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
14	Tuyến dân cư Bình Giang 1	693.000,0	Bình Giang	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
15	Khu đất lấp kênh nước đen	1.500,0	Thị trấn Hòn Đất	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
16	Lô C2 dự án ĐTXD Chợ và khu dân cư trung tâm Thị trấn Sóc Sơn	3.900,0	Thị trấn Sóc Sơn	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
17	Khu đất tại ấp Tà Lóc	900,0	Sơn Kiên	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
18	Tuyến dân cư kênh số 9 ấp Vạn Thanh	40.400,0	Thổ Sơn	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
IX	HUYỆN KIÊN HẢI	961.113,3		
1	Lộ giao thông nông thôn ấp I (đoạn từ Tịnh xá Phụng Hoàng xuống giáp lộ quanh đảo Bãi Chén)	2.358,0	Hòn Tre	Giá bồi thường
2	Mở rộng lấn biển Khu dân cư Hòn Tre	369.900,0	Hòn Tre	Giá bồi thường và Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
3	Trận địa pháo 85 Hòn Tre	16.640,0	Hòn Tre	Giá bồi thường
4	Nghĩa trang nhân dân Hòn Tre	14.000,0	Hòn Tre	Giá giao đất
5	Khu xử lý rác thải Hòn Tre	32.000,0	Hòn Tre	Giá thuê đất
6	Đầu giá quyền sử dụng đất thừa đất TĐ 03-2020 (106-26)	71,6	Hòn Tre	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
7	Khu sản xuất giống thủy sản tập trung Trung Sơn Kiên Hải (Bãi Bắc)	46.200,0	Lại Sơn	Giá thuê đất
8	Trung tâm thương mại An Sơn	10.059,0	An Sơn	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
9	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đảo An Sơn (đường quanh đảo An Sơn giai đoạn 2)	101.353,0	An Sơn	Giá bồi thường
10	Đường vào bến cập tàu Bãi Ngự	4.683,0	An Sơn	Giá bồi thường
11	Nghĩa trang nhân dân và đường vào nghĩa trang nhân dân xã An Sơn	36.050,0	An Sơn	Giá bồi thường
12	Đường lên đỉnh Rada 600 An Sơn (3,5km)	26.955,0	An Sơn	Giá bồi thường
13	Khu lấn biển An Sơn	32.900,0	An Sơn	Giá thuê đất
14	Hải đội quân nhân thường trực	26.000,0	An Sơn	Giá bồi thường
15	Dự án trung tâm nuôi trồng thủy sản xuất khẩu	60.000,0	An Sơn	Giá thuê đất
16	Nuôi trồng, sản xuất giống, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu cá, rong biển và các loại thủy hải sản khác	30.000,0	An Sơn	Giá thuê đất
17	Đường ngang đảo Hòn Ngang	301,7	Nam Du	Giá bồi thường
18	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại xã Nam Du giai đoạn 2 (Tuyến đường nối 2 bến cập tàu Nam Bắc)	8.800,0	Nam Du	Giá bồi thường
19	Khu lấn biển Hòn Ngang	54.442,0	Nam Du	Giá bồi thường và Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
20	Đoàn kinh tế quốc phòng biển, đảo tây nam	88.000,0	Nam Du	Giá bồi thường
21	Trạm cấp nước Hòn Mấu	400,0	Nam Du	Giá bồi thường
X	HUYỆN VINH THUẬN	409.400,0		
1	Cầu Xẻo Lợp xã Vĩnh Phong	1.000,0	Vĩnh Phong	Giá bồi thường
2	Tuyến tránh, cầu qua chợ Đập Đá	5.600,0	Vĩnh Thuận	Giá bồi thường
3	Đường ven sông Cái Lớn	386.900,0	Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam, Phong Đông	Giá bồi thường
4	Trạm cấp nước sạch liên xã Vĩnh Phong - Vĩnh Thuận	1.800,0	Vĩnh Phong	Giá bồi thường
5	Chợ xã Vĩnh Bình Bắc	11.300,0	Vĩnh Bình Bắc	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
6	Đấu giá quyền sử dụng đất Đài truyền hình cũ	2.800,0	Thị trấn Vĩnh Thuận	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
XI	HUYỆN KIÊN LƯƠNG	3.760.357,9		
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Dây chuyền xi măng Hà Tiên 2.2	2.524.057,9	Dương Hòa, Hòa Điền và thị trấn Kiên Lương	Giá thuê đất
2	Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp công suất núi Trầu, núi Còm, núi Châu Hang	337.400,0	Hòa Điền	Giá bồi thường
3	Dự án Đầu tư, cải tạo, mở rộng, nâng công suất khai thác mỏ núi đá vôi núi Trầu, núi Còm, núi Châu Hang (Khu vực núi Còm, diện tích 10,41 ha)	104.100,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi núi Nai	63.000,0	Thị trấn Kiên Lương và Dương Hòa	Giá bồi thường
5	Khu xử lý rác thải	12.000,0	Sơn Hải	Giá bồi thường
6	Nghĩa trang, nghĩa địa	20.000,0	Sơn Hải	Giá bồi thường
7	Dự án đầu tư, cải tạo mở rộng, nâng công suất khai thác mỏ núi đá vôi núi Trầu, núi Còm, núi Châu Hang (giai đoạn 2-thu hồi bổ sung diện tích 1,24 ha đất trồng lúa)	12.400,0	Hòa Điền	Giá bồi thường
8	Nâng công suất Trạm biến áp 220kV Kiên Bình	800,0	Kiên Bình	Giá bồi thường
9	Hệ thống móng trụ tuyến 110kV Tịnh Biên- Hà Tiên	2.300,0	Hòa Điền	Giá bồi thường
10	Đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	296.000,0	Bình Trị và Bình An	Giá bồi thường
11	Cải tạo ĐD 220kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	22.800,0	Kiên Bình	Giá bồi thường
12	Đường dây 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2	10.700,0	Kiên Bình	Giá bồi thường
13	Đường Đặng Thuý Trâm	4.600,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường
14	Đường 30/4 (Từ đường Trần Hưng Đạo đến KDC thu nhập thấp)	2.300,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường
15	Đường Nguyễn Trãi nối dài	2.100,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường
16	Công viên dài tượng niệm	17.000,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường
17	Đội sản xuất số 03 - Đoàn Kinh tế Quốc phòng 915	8.600,0	Sơn Hải	Giá bồi thường
18	Đầu tư xây dựng kho chứa vật liệu nổ công nghiệp tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	20.000,0	Dương Hòa	Giá bồi thường
19	Mở rộng trụ sở công an huyện	7.800,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường
20	Mở rộng ban chỉ huy quân sự huyện	32.400,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá bồi thường
21	Cầu + Đường cấp kênh Rạch Giá - Hà Tiên (từ kênh Thời Trang - kênh T5)	22.800,0	Kiên Bình	Giá bồi thường
22	Đường cấp kênh Rạch Giá - Hà Tiên (từ kênh T4 - T5)	28.900,0	Kiên Bình	Giá bồi thường
23	Khu dân cư trường nhà trẻ, mẫu giáo Hoa Mai	4.200,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
24	Khu đô thị mới Kiên Lương	186.300,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
25	Khu dân cư và tái định cư phía đông thị trấn Kiên Lương	600,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
26	Khu dân cư đường Trục Chính (Trần Hưng Đạo)	300,0	Thị trấn Kiên Lương	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
27	Tuyến dân cư kênh Cái Tre	16.700,0	Kiên Bình	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất
28	Cụm dân cư vượt lũ ấp Càng, xã Hòa Điền	200,0	Hòa Điền	Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích dự kiến (m ²)	Địa điểm cấp xã	Mục đích định giá
XII	HUYỆN AN MINH	180.100,0		
1	Công an huyện	55.800,0	Thị trấn Thứ 11	Giá bồi thường
2	Đồn biên phòng Xẻo Nhàu	61.700,0	Tân Thạnh	Giá bồi thường
3	Cầu Thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Cán Gáo)	21.800,0	Thị trấn Thứ 11	Giá bồi thường
4	Đường dẫn khí Lô B - Ô Môn (Đồng Hòa)	36.600,0	Đồng Hòa	Giá bồi thường
5	Trạm cấp nước xã Đông Hưng B (ấp 15)	3.000,0	Đông Hưng B	Giá bồi thường
6	Trạm cấp nước xã Tân Thạnh	1.200,0	Tân Thạnh	Giá bồi thường
Tổng	266	24.029.086,4		

